**Mẫu 1**

11/2014/TT-BKHCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 *Nghệ An, ngày 30 tháng 8 năm 2024*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên dự án: **Sản xuất thử nghiệm giống lợn Xao Va tại một số tỉnh vùng Bắc Trung Bộ**

Mã số dự án: **NVQG-2021/DA.02**

Thuộc Chương trình: Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

***Mục tiêu chung***

Hoàn thiện được quy trình chăn nuôi và phát triển lợn Xao Va ra sản xuất có hiệu quả.

***Mục tiêu cụ thể***

- 01 quy trình chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản (thời gian cai sữa thích hợp; mức năng lượng, protein thích hợp; khẩu phần thức ăn tự phối trộn và chế độ ăn thích hợp).

- 01 quy trình chăn nuôi lợn Xao Va thương phẩm (mức năng lượng, protein thích hợp; khẩu phần thức ăn tự phối trộn và chế độ ăn thích hợp).

- Đàn hạt nhân: 40 nái và 4 đực (01 cơ sở chăn nuôi) có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống; số con cai sữa/nái/năm ≥ 12,0 con.

- Đàn sản xuất: 150 nái có đặc điểm ngoại hình đặc trưng của giống, trong đó có 01 cơ sở chăn nuôi ≥ 50 nái; số con cai sữa/nái/năm ≥ 11,5 con.

- Đàn thương phẩm: 800 con/4 mô hình/2 tỉnh/năm, trong đó có tối thiểu 01 cơ sở chăn nuôi ≥ 200 con; Các chỉ tiêu: khối lượng lúc 8 tháng tuổi ≥ 25 kg/con; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng ≤ 4,5 kg; tỷ lệ nuôi sống ≥ 90%.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Hoàng Thị Mai

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Công ty TNHH Nghiên cứu phát triển Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải

5. Tổng kinh phí thực hiện: **11.150,00** triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: **3.150,00** triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: **8.000,00** triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu: 03/2021

Kết thúc: 08/2024

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*:

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| SốTT | Họ và tên | Chức danh khoa học, học vị | **Cơ quan công tác** |
| 1 | Hoàng Thị Mai | Tiến sĩ | Trường Đại học Vinh và Công ty TNHH Nghiên cứu PT Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải |
| 2 | Lê Minh Hải | Tiến sĩ | Công ty TNHH Nghiên cứu PT Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải |
| 3 | Nguyễn Hữu Minh | Tiến sĩ | Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An |
| 4 | Phạm Giang Nam | BSTY | Công ty TNHH Nghiên cứu PT Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải |
| 5 | Trần Thị Cúc | Thạc sĩ | Công ty TNHH Nghiên cứu PT Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải |
| 6 | Tạ Thị Bình | Tiến sĩ | Trường Đại học Vinh |
| 7 | Hồ Thị Dung | Thạc sĩ | Công ty TNHH Nghiên cứu PT Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải |
| 8 | Nguyễn Thị Thanh | Tiến sĩ | Trường Đại học Vinh |
| 9 | Nguyễn Bá Hiền | Thạc sĩ | Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện Quế Phong |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Khối lượng** | **Chất lượng** |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | Đàn lợn Xao Va hạt nhân (40 nái, 04 đực) |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 2 | Đàn lợn Xao Va sản xuất (150 cái, 15 đực) |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 3 | Đàn lợn Xao Va thương phẩm (808 con) |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 4 | Quy trình chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 5 | Quy trình chăn nuôi lợn Xao Va thương phẩm |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 4 | Mô hình chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 5 | Mô hình chăn nuôi lợn Xao Va thương phẩm  |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 6 | Bài báo khoa học  |  | x |  |  | x |  |  | x |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Quy trình chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản | Từ năm 2025 | - Công ty TNHH Nghiên cứu phát triển Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải.- Công ty TNHH Nông nghiệp Hùng Cường.- Các Trung tâm giống, trang trại chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản. |  |
| 2 | Quy trình chăn nuôi lợn Xao Va thương phẩm | Từ năm 2025 | - Công ty TNHH Nghiên cứu phát triển Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải.- Công ty TNHH Nông nghiệp Hùng Cường.- Các Trung tâm giống, trang trại chăn nuôi lợn Xao Va thương phẩm. |  |

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Đàn lợn Xao Va hạt nhân | Từ 04/2021 | - Công ty TNHH Nghiên cứu phát triển Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải. |  |
| 2 | Đàn lợn Xao Va sản xuất | Từ 02/2022 | - Công ty TNHH Nghiên cứu phát triển Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải.- Trang trại chăn nuôi lợn của hộ ông Lê Thế Thành, bản Cộng Đồng, xã Châu Bình, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An. |  |
| 3 | Quy trình chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản | 2023-2024 | - Công ty TNHH Nghiên cứu phát triển Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải.- Trang trại chăn nuôi lợn của hộ ông Lê Thế Thành, bản Cộng Đồng, xã Châu Bình, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An. |  |
| 4 | Quy trình chăn nuôi lợn Xao Va thương phẩm | 2023-2024 | - Công ty TNHH Nghiên cứu phát triển Nông nghiệp và Thủy sản Minh Hải- Trang trại chăn nuôi lợn của hộ ông Nguyễn Văn Trường tại Thôn 5, xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.- Trang trại chăn nuôi lợn của hộ ông Phạm Viết Văn tại xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.- Trang trại chăn nuôi lợn Nhật Minh của hộ Ông Đinh Bá Cương thuộc Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp tổng hợp Nhật Minh, tại bản Na Tỳ, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. |  |

**2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ**:

- Chọn lọc, xây dựng được đàn lợn Xao Va hạt nhân quy mô 40 nái và 04 đực giống có năng suất sinh sản được cải thiện đáng kể so với đàn trước đây, cụ thể: Số lợn con cai sữa/nái/năm tăng 2,12 con (13,02 so với 10,9 con/nái/năm); Số lứa đẻ/nái/năm tăng 0,22 lứa (1,88 so với 1,66 lứa).

 - Xây dựng được đàn lợn Xao Va sản xuất quy mô 150 nái và 15 đực giống có năng suất sinh sản được cải thiện đáng kể so với đàn trước đây, cụ thể: Số lợn con cai sữa/nái/năm tăng 3,03 con (11,93 so với 8,9 con/nái/năm); Số lứa đẻ/nái/năm tăng 0,21 lứa (1,80 so với 1,59 lứa).

- Hoàn thiện được quy trình chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản, trong đó:

+ Đã nghiên cứu và áp dụng thành công việc cai sữa sớm cho lợn con Xao Va tại thời điểm 42 ngày tuổi, giúp rút ngắn thời gian nuôi con của lợn nái Xao Va 18 ngày so với quy trình cũ;

+ Đã nghiên cứu được mức năng lượng trao đổi và protein thô thích hợp cho lợn nái Xao Va mang thai kỳ 2 tương ứng là 2.950 Kcal/kg thức ăn và 15,5%, đối với lợn nái Xao Va nuôi con là 3.000 Kcal/kg thức ăn và 17%;

+ Đã nghiên cứu được chế độ ăn thích hợp đối với lợn nái Xao Va trong giai đoạn mang thai và nuôi con.

- Hoàn thiện được quy trình chăn nuôi lợn Xao Va thương phẩm, trong đó:

 + Đã nghiên cứu được mức năng lượng trao đổi phù hợp cho lợn Xao Va thương phẩm ở cả 2 giai đoạn cai sữa – 15kg và 15kg – xuất chuồng là 3.100 Kcal ME/kg thức ăn và mức protein thô phù hợp cho lợn Xao Va thương phẩm tương ứng ở 2 giai đoạn cai sữa – 15kg và 15kg – xuất chuồng là 17 và 16%;

+ Đã nghiên cứu được chế độ ăn thích hợp cho lợn Xao Va thương phẩm là 4 lần/ngày ở giai đoạn ngay sau cai sữa (1,5 – 3,5 tháng tuổi) và 3 lần/ngày ở giai đoạn nuôi thịt tiếp theo (3,5 tháng – xuất chuồng).

**3. Về hiệu quả của nhiệm vụ**:

**3.1. Hiệu quả kinh tế**

 - Dự án đã xây dựng được đàn hạt nhân quy mô 40 nái + 04 đực, đàn sản xuất quy mô 150 nái + 15 đực, có ngoại hình đặc trưng của giống lợn Xao Va. Mỗi năm, cả 2 đàn lợn Xao Va sinh sản của dự án sản xuất được khoảng 2.300 lợn giống cung cấp cho thị trường, tạo điều kiện để người chăn nuôi đầu tư, phát triển sản xuất, tăng thêm thu nhập.

- Thông qua nghiên cứu, hoàn thiện các quy trình chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản và thương phẩm đã giúp nâng cao sức sản xuất của lợn nái và lợn thịt. Trên lợn sinh sản, số lợn con cai sữa đã tăng lên 2-3 con/nái/năm. Với giá lợn giống trong thời gian triển khai dự án trung bình khoảng 1.200.000 VNĐ/lợn cai sữa thì việc cải thiện năng suất sinh sản này có thể làm tăng thêm doanh thu cho người chăn nuôi lợn nái từ 2.400.000-3.600.000/lợn nái/năm. Trên lợn thương phẩm, khối lượng xuất chuồng lúc 8 tháng tuổi đã tăng 7,63 kg/con (đạt 26,93 so với 19,30 kg/con), tiêu tốn thức ăn giảm 1,11 kg thức ăn/kg tăng khối lượng (giảm từ 5,50 xuống còn 4,39 kg thức ăn/kg tăng khối lượng). Với giá lợn hơi trung bình trong thời gian triển khai dự án khoảng 120.000 VNĐ/kg hơi thì việc cải thiện sinh trưởng cho lợn thịt đã tạo cơ hội cho người chăn nuôi lợn thịt tăng thêm doanh thu khoảng 900.000 VNĐ/con trong thời gian nuôi thịt 6,6 tháng.

**3.2. Hiệu quả xã hội**

Kết quả của dự án sẽ góp phần tạo sinh kế, tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân các vùng miền núi Bắc Trung Bộ. Người dân khi áp dụng các quy trình, đầu tư chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản và thương phẩm sẽ tăng thêm thu nhập, xóa đói giảm nghèo và làm giàu cho gia đình và xã hội.

Dự án triển khai tại các huyện miền núi Bắc Trung Bộ đã góp phần phát triển nguồn thực phẩm của vùng, tạo việc làm cho người dân, đảm bảo an sinh xã hội, tăng cường bảo vệ an ninh quốc phòng toàn dân.

Kết quả dự án sẽ góp phần phát triển chăn nuôi lợn Xao Va sinh sản và thương phẩm, từ đó cũng giúp bảo tồn nguồn gen lợn bản địa.

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* |  [ ]  ***√*** |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  [ ]  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  [ ]  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

 *- Xuất sắc* [ ]

 *- Đạt* [ ]  ***√***

 *- Không đạt* [ ]

Giải thích lý do: Các sản phẩm của nhiệm vụ đều đạt yêu cầu về số lượng, khối lượng và chất lượng theo thuyết minh và hợp đồng

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**(*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*) | **THỦ TRƯỞNG****TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |

 **TS. Hoàng Thị Mai ThS. Hồ Thị Dung**